

DỰ THẢO
09.3.2026

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm (giai đoạn 2021 - 2025) thực hiện Chương trình mở rộng
tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ 05 NĂM (GIAI ĐOẠN 2021 - 2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG TẦM SOÁT, CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ TRƯỚC SINH VÀ SƠ SINH

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 (gọi tắt là Chương trình). Ngay từ đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo và giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương. Đến hết năm 2025, Chương trình đã thực hiện được 05 năm. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo kết quả của 34/34 tỉnh, thành phố; 01/09 Vụ, Cục, đơn vị thuộc Bộ Y tế (Vụ Pháp chế)¹; 02/07 Bộ ngành (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)² Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả sơ kết 05 năm (giai đoạn 2021-2025) thực hiện Chương trình, cụ thể như sau:

I. QUÁN TRIỆT, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Triển khai Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), ngày 31/12/2020, Bộ Y tế có Công văn 7375/BYT-TCDS gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời Bộ Y tế ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình tại Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 21/4/2021.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã hướng dẫn và giao Sở Y tế các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các sở, ngành xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, giai đoạn 2021-2025 theo hướng dẫn tại Công văn 7375/BYT-TCDS của Bộ Y tế nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra (*tổng hợp văn bản kế hoạch của các tỉnh, thành phố tại Phụ lục I*)

¹ Chưa nhận được báo cáo của 08 Vụ, Cục, đơn vị: Kế hoạch - Tài chính, Bảo hiểm y tế, Bà mẹ và Trẻ em, Quản lý Khám chữa bệnh, Hạ tầng và Thiết bị y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Bộ, Hợp tác quốc tế.

² Chưa nhận được báo cáo của 05 Bộ, ngành: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: *Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.*

Kết quả thực hiện: Dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh được duy trì từ giai đoạn trước phát triển và mở rộng từ trung ương đến địa phương; đồng thời mở rộng sàng lọc các bệnh mới: sàng lọc trước sinh chủ yếu kỹ thuật siêu âm mở rộng sàng lọc kỹ thuật xét nghiệm...; sàng lọc sơ sinh các rối loạn nội tiết - chuyển hóa từ 02 bệnh (thiếu men G6PD và suy giáp trạng bẩm sinh) mở rộng sàng lọc bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh, phát triển mở rộng kỹ thuật khác để sàng bệnh tim bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh.

Nhận xét: Các hoạt động thực hiện mục tiêu đang trong tiến trình triển khai mở rộng sàng lọc các bệnh mới so với giai đoạn 2016 - 2020.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Kết quả tổng hợp báo cáo của địa phương đến thời điểm 31/12/2025

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% năm 2030 và giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống;

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025

- Giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống

+ Tỷ lệ tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm từ 21,9% năm 2019 xuống còn 14,8% vào năm 2025. Trung bình giảm 1.42%/năm.

+ Tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống đã giảm từ mức 5,6‰ xuống còn 3,8‰. Các tỉnh: Bắc Kạn, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận đã ngăn chặn và loại bỏ hoàn toàn tình trạng hôn nhân cận huyết thống. Một số dân tộc thiểu số, dân tộc rất ít người: Ngái, Hrê, Raglay, Bru Vân Kiều, Giáy, Cơ Tu, Gié Triêng, Tà Ôi, Kháng, Chơ Ro, Xinh Mun đã không còn ghi nhận trường hợp kết hôn cận huyết, khẳng định tính hiệu quả và bền vững của công tác tuyên truyền vận động thay đổi hành vi.³

* Nhận xét: chưa đạt mục tiêu đề ra.

MỤC TIÊU 1 ĐẠT HAY KHÔNG ĐẠT

b) *Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50%.*

³ Báo cáo số 3021/BC-BD TTG ngày 11/12/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo Sơ kết 05 năm triển khai thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh (giai đoạn 2021-2025).

- Tỷ lệ Phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh, tật bẩm sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản tăng lên hàng năm: từ 50,03% năm 2021 đến năm 2025 đạt 63,22%; **như vậy Chương trình đạt và vượt mục tiêu đề ra.**

- Các tỉnh, thành phố đạt cao và vượt mức mục tiêu cả nước: Đà Nẵng, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Nội, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh... chủ yếu các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

c) *Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%*

- Tỷ lệ trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản tăng lên hàng năm: từ 48,39 năm 2021 tăng lên 60,54% năm 2025. Tuy nhiên, không đạt mục tiêu đề ra.

- Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ cao trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh: Đà Nẵng, Hà Nội, Quảng Ninh, Đồng Tháp....

d) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90% năm 2030.

Không đủ dữ liệu đánh giá. Lý do: từ ngày 01/7/2025 thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, các đơn vị đang trong giai đoạn sắp xếp ổn định tổ chức; đồng thời thực hiện theo hướng dẫn mới.

đ) Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90% năm 2030:

Không đủ dữ liệu đánh giá. Lý do: từ ngày 01/7/2025 thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, các đơn vị đang trong giai đoạn sắp xếp ổn định tổ chức; đồng thời thực hiện theo hướng dẫn mới.

e) Phát triển cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh ở bệnh viện chuyên khoa sản, sản - nhi hoặc bệnh viện đa khoa tỉnh tại 56 tỉnh, thành phố năm 2030;

Các tỉnh, thành phố duy trì cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các bệnh viện chuyên khoa sản, sản - nhi hoặc bệnh viện đa khoa tỉnh.

Không đủ dữ liệu đánh giá mục tiêu này.

f) 05 Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực và các trung tâm chuyên sâu hiện có được nâng cấp; phát triển thêm 02 trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực tại vùng Trung du, miền núi phía Bắc và Tây nguyên vào năm 2025;

Duy trì 05 Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực (Bệnh viện Phụ Sản Trung ương; Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An; Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế; Bệnh viện Từ Dũ; Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ) và các trung tâm chuyên sâu hiện có (Bệnh viện Nhi trung ương; Viện Huyết học và Truyền máu trung ương; Trung tâm Tư vấn di truyền - Trường Đại học Y Hà

Nội...) thực hiện cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; hỗ trợ các tỉnh, thành phố về chuyên môn kỹ thuật.

Tỉnh Thái Nguyên đã chủ động xây dựng và hoàn thiện Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực miền núi phía Bắc tại Bệnh viện A Thái Nguyên. Trung tâm từng bước triển khai các dịch vụ chẩn đoán trước sinh, sàng lọc sơ sinh, đáp ứng nhu cầu khám, sàng lọc của người dân trong tỉnh và khu vực lân cận.

g) 03 cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hiện có đạt chuẩn ngang tầm ASEAN vào năm 2025

- Chưa thực hiện được do chưa có tiêu chuẩn đánh giá.

- Các Trung tâm sàng lọc khu vực được Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Y tế (Quyết định số 255/QĐ-BYT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

2. Đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Về cơ chế, chính sách

- Ban hành nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

Các hoạt động sàng lọc trước sinh và sơ sinh là tiền bộ khoa học y học trong phát hiện sớm bệnh, tật di truyền ngay từ bào thai, sơ sinh, được Đảng và Nhà nước quan tâm và cần có những giải pháp đột phá đồng bộ hỗ trợ tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được hưởng bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến để phát hiện và điều trị sớm các bệnh, tật bẩm sinh, đặc biệt là các bệnh có tỷ lệ mắc cao.

Ngày 09/9/2025, tại Nghị quyết số 72-NQ/TW Bộ Chính trị “về một số giải pháp, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân” đã đưa nội dung “khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh, khám sàng lọc một số loại bệnh tật phổ biến, nguy hiểm phù hợp với từng lứa tuổi, nhóm đối tượng”

Ngày 10/12/2025 tại kỳ họp Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Dân số số 113/2025/QH15; ngày 11/12/2025, Quốc hội có Nghị quyết số: 262/2025/QH15 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; ngày 15/9/2025, Chính phủ Ban hành Nghị quyết số 282/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Hàng năm, Bộ Y tế (Cục Dân số)⁴ có văn bản giao chỉ tiêu và hướng dẫn triển khai đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố; Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế và kế hoạch thực hiện của Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền của tỉnh, thành phố phê duyệt, Sở Y tế các tỉnh, thành phố chủ trì hoặc giao cơ quan quản lý điều hành công tác dân số cấp tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch từ tuyến tỉnh đến các xã, phường; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến dưới, điều chỉnh các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

Chương trình được sự quan tâm các cấp ủy Đảng, chính quyền, được sự ủng hộ của nhân dân.

Bộ Y tế (Cục Dân số) tổ chức ///đoàn kiểm tra, giám sát tại các tỉnh:

- Rà soát, bổ sung chính sách cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; vùng nhiễm chất độc dioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình;

Ngày 04/11/2021, Bộ Y tế báo cáo (Báo cáo số 1756/BC-BYT về thực hiện hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ) và được Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đồng ý (tại thông báo số 8680/VPCP-KGVX ngày 27/11/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ) hỗ trợ đối tượng sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; vùng nhiễm chất độc dioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình; Bộ Y tế đã hướng dẫn địa phương đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ⁵.

Để hỗ trợ các đối tượng thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo quy định các tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết hỗ trợ dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho đối tượng theo quy định Quyết định 1999: tỉnh Cao Bằng⁶; tỉnh Sơn La⁷. Tỉnh Bắc Ninh⁸; Hỗ trợ trực tiếp đối tượng: thành phố Hải Phòng⁹;

⁴ Công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 về việc định hướng công tác dân số năm 2021-2025 và một số nội dung trọng tâm năm 2021; Công văn số 756/BYT-TCDS ngày 20/02/2022 về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch công tác dân số năm 2022; Công văn số 207/TCDS-KHTC về việc định hướng thực hiện công tác dân số năm 2023; Công văn số 273/CDS-KHTC ngày 27/3/2024 về việc đôn đốc thực hiện công tác dân số năm 2024; Công văn số 135/CDS-KHTC ngày 27/02/2025 về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2025.

⁵ Công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10/01/2022 về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶ Nghị quyết số 55/2021/NQ-HĐND Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

⁷ Nghị quyết số 42/2022/HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La.

⁸ Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND của tỉnh Bắc Ninh.

⁹ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND về quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Thành phố Hồ Chí Minh¹⁰; tỉnh Hậu Giang; ¹¹tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2022 triển khai thực hiện gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản khi tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản

Bộ Y tế rà soát và ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

- Xây dựng các quy trình tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn và cung cấp các dịch vụ của Chương trình: **chưa thực hiện**

- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh:

Các cơ sở y tế ngoài công lập phát triển cung cấp dịch vụ kỹ thuật sàng lọc cho người dân, góp phần tăng tỷ lệ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh của cả nước. Tuy nhiên số cơ sở y tế tư nhân cung cấp dịch vụ trước sinh và sơ sinh đủ danh mục bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản còn thấp, chủ yếu tập trung ở thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.... Đến cuối năm 2025, có 17 tỉnh, thành phố với 121 cơ sở y tế ngoài công lập đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản; có 11 tỉnh, thành phố với 62 cơ sở y tế ngoài công lập đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản.

b) Về chuyên môn kỹ thuật:

- Ban hành danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản: dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh;

+ *Sàng lọc trước sinh và sơ sinh*: để có cơ sở xác định chỉ tiêu và định hướng đầu tư trang thiết bị phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật Bộ Y tế xây dựng và ban hành danh mục một số bệnh, tật được sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản: sàng lọc trước sinh 04 bệnh; sàng lọc sơ sinh 05 bệnh, tật bẩm sinh¹².

- Ban hành danh mục mở rộng các bệnh tật ngoài gói dịch vụ cơ bản phù hợp với trình độ phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật: **chưa thực hiện**. Các cơ sở y tế có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh (Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Phụ Sản Trung ương, Trường Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An, Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Phụ Sản thành phố Cần Thơ...) chủ động cung cấp

¹⁰ Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 quy định về chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

¹¹ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hậu Giang.

¹² Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản

dịch vụ sàng lọc với danh mục ngoài gói dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Rà soát, bổ sung, ban hành quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế.

+ Đối với sàng lọc trước sinh và sơ sinh: Bộ Y tế rà soát và tiếp tục thực hiện hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đã được Bộ Y tế quy định¹³;

+ Đối với tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn: Bộ Y tế đã xây dựng và ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn phù hợp với giai đoạn mới, tạo hành lang pháp lý cho các cơ sở y tế phát triển cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn về trang thiết bị và nhân lực phù hợp¹⁴.

Bộ công cụ giám sát, đánh giá: **đang xây dựng**

2. 2. Công tác tuyên truyền vận động và huy động xã hội

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới chính quyền các cấp. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình. Lòng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết. Huy động các đoàn thể, bộ đội biên phòng ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, biên giới, hải đảo tham gia giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về Chương trình 1999.

Bộ Y tế (Tổng cục Dân số nay là Cục Dân số) tổ chức giao lưu tọa đàm trực tuyến về chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh trên chuyên trang điện tử của Báo Sức khỏe và Đời sống.

Bộ VHTTDL đã triển khai, phổ biến các văn bản liên quan đến lĩnh vực dân số, trong đó có quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tới các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. Đồng thời, đã triển khai tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý của Bộ thông qua các hình thức hội nghị, tọa đàm giáo dục truyền thông, tư vấn, đối thoại chính sách, pháp luật, giải đáp pháp luật, trong đó lồng ghép nội dung liên quan đến dân số, góp phần thực hiện tốt mục tiêu “*Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát,*

¹³ Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh

¹⁴ Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn

chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030” tại Chương trình. Tổ chức 02 lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về tác hại, hậu quả và hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống gây nên tại những vùng có tỷ lệ kết hôn sớm, cưỡng ép kết hôn, cưỡng ép ly hôn cao nhằm bồi dưỡng kiến thức về tác hại, hậu quả và hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Quảng Ngãi: Tập huấn tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về tác hại, hậu quả và hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống gây nên trong cộng đồng các dân tộc Mạ, Mnong, H’mông (Mông) xã Quảng Khê và xã Tà Đùng tỉnh Lâm Đồng. Tập huấn tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về tác hại, hậu quả và hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống gây nên trong cộng đồng các dân tộc Hrê, Co xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Việc tổ chức lớp tập huấn đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có nội dung về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; nâng cao nhận thức, năng lực, ứng xử của cá nhân, cộng đồng đối với vấn đề tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, cưỡng ép kết hôn, cưỡng ép ly hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần thay đổi thái độ, ứng xử và hành vi của cá nhân, cộng đồng đối với vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức văn hóa cấp xã trong công tác tuyên truyền, phổ biến về tác hại, hậu quả và hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống gây nên. Các hoạt động truyền thông về Chương trình luôn được các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VH-TT-DL quan tâm, thực hiện lồng ghép với các nội dung, hình thức phong phú, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp cận được đông đảo đối tượng trong xã hội. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các điểm chính: tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; tuyên truyền vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chuẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh... Tính đến thời điểm báo cáo, cả nước có 38 cơ quan báo nói (phát thanh), báo hình (truyền hình) gồm: 02 Đài quốc gia (Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam); 34 Đài, Báo và PTTH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 02 đơn vị hoạt động truyền hình (Truyền hình Quốc phòng Việt Nam, Truyền hình Công an Nhân dân). Phát thanh, truyền hình có ưu thế về thông tin nhanh, phổ cập rộng và cách chuyển tải nội dung phong phú, hấp dẫn bằng nhiều hình thức, có khả năng tác động lớn đến xã hội. Đây chính là lực lượng chủ lực trong thông tin, tuyên truyền về các vấn đề liên quan đến trẻ em trong thời gian qua. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển toàn diện sức khỏe của trẻ sơ sinh, bảo vệ thể hệ mầm non, các đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình đã chủ động và tích cực thông tin về chủ đề này bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, nhằm mang lại một hiệu quả thiết thực¹⁵.

¹⁵ Công văn số 7039/BVHTTDL-VHCSGĐTV ngày 24/12/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sơ kết 05 năm (giai đoạn 2021-2025) thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

Các tỉnh, thành phố: các tỉnh, thành phố chủ động xây dựng phóng sự, tin bài phù hợp với điều kiện của địa phương đăng tải trên các phương tiện truyền thông của địa phương; phối hợp với các cơ quan truyền thông cung cấp các thông tin về tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; can thiệp giảm tải hôn, kết hôn cận huyết thống và phản ánh hoạt động về chương trình tại các cấp; lồng ghép các hoạt động truyền thông tới người dân nói chung, đặc biệt phụ nữ mang thai, ... về lợi ích sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh: Tổ chức hội nghị chuyên đề, phát thanh - truyền hình, lồng ghép với các chương trình khác, biên soạn các sản phẩm truyền thông... Từ đó nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, cán bộ y tế, dân số, cộng đồng người dân và toàn xã hội tham gia thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan. Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng tư vấn cho 142.865 lượt người. Một số địa phương huy động tổ chức cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh hỗ trợ một phần hoặc miễn phí cho một bộ phận người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ kỹ thuật và tham gia sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

2.3. Kết quả việc phát triển mạng lưới dịch vụ

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Đầu tư trang thiết bị phục vụ cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh

Các trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh hỗ trợ địa phương chuyên môn sàng lọc trước sinh, sơ sinh: phối hợp đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật,

Các tỉnh, thành phố đầu tư phát triển các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh: mua sắm trang thiết bị, bố trí cán bộ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn để triển khai cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh. Sau 05 năm có 25/34 tỉnh, thành phố (đạt 73,52%) với 200 cơ sở y tế công lập đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh; có 19/34 tỉnh, thành phố (đạt 55,88%) với 129 cơ sở y tế công lập đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản. Bên cạnh đó, cơ sở y tế tư nhân phát triển đóng góp vào cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh đáp ứng nhu cầu của người dân: với 121 đơn vị cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và 62 đơn vị cung cấp dịch vụ sàng lọc sơ sinh.

Các cơ sở y tế đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh, sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản chủ yếu phát triển

tại các tỉnh, thành phố có hệ thống y tế phát triển: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, ...; một số cơ sở y tế liên kết với cơ sở y tế tư nhân cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho người dân có nhu cầu. Các tỉnh khó khăn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên... dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh hạn chế cả về số lượng cơ sở y tế và danh mục bệnh sàng lọc. Sàng lọc trước sinh mới chỉ cung cấp dịch vụ siêu âm; sàng lọc sơ sinh cung cấp dịch vụ lấy mẫu máu gửi sàng lọc 03 bệnh rối loạn nội tiết - chuyển hóa. Dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh, dịch vụ kỹ thuật sàng lọc khiếm thính bẩm sinh và sàng lọc bệnh tim bẩm sinh thiếu cả về trang thiết bị và nhân lực. Còn một số tỉnh chưa có cơ sở y tế đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh sơ sinh đủ danh mục bệnh, tất thuộc gói dịch vụ cơ bản.

Các tỉnh không có báo cáo thực trạng cơ sở y tế địa phương về khả năng cung cấp dịch vụ sàng lọc: tỉnh Sơn La, tỉnh Quảng Trị, ...

- Đào tạo tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh

Các tỉnh, thành phố phối hợp với các trung tâm sàng lọc khu vực, hoặc tại địa phương tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật về sàng lọc trước sinh và sơ sinh: đào tạo siêu âm, xét nghiệm, kỹ thuật lấy ngón tay mẹ, lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, ... (tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, ...)

Cơ sở y tế đầu tư triển khai cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh chủ yếu ở các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển; các địa phương có địa bàn miền núi, vùng biên giới... còn gặp nhiều khó khăn đầu tư trang thiết bị, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật trong phát triển cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

Chi tiết các cơ sở y tế tại Phụ lục IV; Phụ lục VI.

b) Đầu tư hoàn thiện mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các điểm, cơ sở, trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh, ưu tiên các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng nhiễm chất độc dioxin.

d) Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

đ) Thí điểm một số can thiệp, mô hình cung cấp dịch vụ tại khu công nghiệp, khu kinh tế và địa bàn có đối tượng khó tiếp cận; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, vận hành các cơ sở cung cấp dịch vụ. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng của Chương trình.

2.4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới

a) Nghiên cứu, xây dựng bản đồ dịch tễ đối với các bệnh tật cần sàng lọc trên phạm vi toàn quốc và tại các vùng, địa bàn trọng điểm.

b) Nghiên cứu, thử nghiệm và phổ biến kỹ thuật mới trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh.

Các trung tâm sàng lọc chủ động nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Các tỉnh, thành phố tiếp nhận kỹ thuật mới cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho nhân dân;

Các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế chủ động mở rộng áp dụng kỹ thuật sàng lọc không xâm lấn NIPT (Non-Invasive Prenatal Testing) trong sàng lọc trước sinh cho các đối tượng có nhu cầu.

2.5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

a) *Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.*

Năm 2024: Một số tỉnh, thành phố huy động từ nguồn khác hỗ trợ sàng lọc trước sinh bằng kỹ thuật xét nghiệm NIPT cho 120 phụ nữ mang thai (tỉnh Tây Ninh: 50, tỉnh An Giang: 25, tỉnh Kiên Giang: 45); sàng lọc sơ sinh: 38 trẻ (tỉnh Tây Ninh).

b) *Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình; tăng cường hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.*

2.6. Các nội dung khác

Công tác tư vấn, quản lý, tổng hợp đối tượng sau sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, Bộ Y tế đã xây dựng danh mục sàng lọc trước sinh, sơ sinh là 02 chỉ tiêu thống kê ngành y tế và ban hành dưới hình thức thông tư¹⁶: các đơn vị cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện tương đối tốt công tác quản lý, theo dõi, cập nhật số liệu các bà mẹ mang thai đến khám và được sàng lọc vào sổ theo dõi tại đơn vị.

Giai đoạn 2021-2025, tổng hợp các trường hợp tham gia sàng lọc trước sinh và sơ sinh, theo dõi các đối tượng có nguy cơ cao, đối tượng chẩn đoán xác định bệnh.

+ *Số phụ nữ mang thai tham gia sàng lọc trước sinh chung (chủ yếu bằng kỹ thuật siêu âm) là 3.765.829/5.704.457 phụ nữ mang thai dự kiến sinh, trong*

¹⁶ Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

đó, phụ nữ mang thai được sàng lọc bằng kỹ thuật xét nghiệm là 3.092.859 trường hợp.

+ Số trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh chung (chủ yếu bằng kỹ thuật xét nghiệm mẫu máu gót chân từ ít nhất 02 bệnh) là 2.884.174/5.514.620 trẻ mới sinh.

- Bộ Y tế (Cục Dân số) tổ chức 07 lớp tập huấn về quản lý với sự tham gia của các nhà khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực sàng lọc trước sinh và sơ sinh của các Trung tâm sàng lọc và 712 lượt học viên tham dự (cán bộ quản lý Chương trình, cán bộ thực hiện cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh...)

Phối hợp lồng ghép từ nguồn kinh phí của dự án 7 và dự án 9 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Phối hợp với Thông tấn xã Việt Nam tổ chức các cuộc tọa đàm, giao lưu trực tuyến và phóng sự cung cấp thông tin, tuyên truyền về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

Xây dựng 08 video clip tuyên truyền về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; lợi ích của sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh phát trên kênh truyền hình Việt Nam (VTV5, VTV8) và cung cấp cho địa phương.

- Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam biên soạn tài liệu (tờ gấp, video clip) chuyên môn về tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh sử dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số để cung cấp cho các tỉnh, thành phố làm sản phẩm mẫu.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế (Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ Chương trình không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp).

1.1. Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản chưa đạt mục tiêu đề ra.

Về cơ chế, chính sách:

- Văn bản hướng dẫn về giá dịch vụ sàng lọc sơ sinh gói dịch vụ cơ bản chưa đầy đủ.

- Mạng lưới cung cấp dịch vụ sàng lọc sơ sinh chưa đủ trang thiết bị, nhân lực; người dân tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Giai đoạn 2021-2022, do ảnh hưởng dịch Covid-19 các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp không thực hiện được; các hoạt động sàng

lọc trước sinh, sơ sinh cơ bản chỉ thực hiện 03 năm. Do đó ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

- Các hoạt động sàng lọc trước sinh, sơ sinh chuyển từ cơ chế thực hiện chương trình mục tiêu chỉ thường xuyên, một số địa phương chưa quan tâm đúng mức hoặc khó khăn về kinh phí nên không bố trí được nguồn ngân sách triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình.

- Đối tượng thanh niên chuẩn bị kết hôn khó tiếp cận do phải đi làm xa, cư trú không ổn định tại địa phương nên khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động, huy động tham gia các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Sự thay đổi hệ thống bộ máy tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp dẫn tới có những thay đổi trong hệ thống nhân sự phụ trách hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các xã, phường

- Người dân tại các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp cận các hoạt động Chương trình gặp nhiều khó khăn.

- Một số gia đình sợ phát hiện ra bệnh sẽ làm ảnh hưởng đến hôn sự, nên còn e ngại tham gia tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Về cơ chế, chính sách

- + Chưa xây dựng ban hành tiêu chuẩn 01 cơ sở sàng lọc trước sinh, sơ sinh

- + Giá các dịch vụ, quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh áp dụng cho các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc trên toàn quốc chưa đầy đủ.

- + Về nguồn lực:

- + Nguồn lực đầu tư cho sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh chưa được một số địa phương quan tâm đúng mức.

- Nguồn lực kinh phí từ tuyến huyện đến xã, phường hầu như không có cho thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, chủ yếu chờ sự phân bổ của cấp trên, nên không chủ động trong công việc.

- Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh còn hạn chế, tại một số địa phương: các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo chưa được hỗ trợ thực hiện Chương trình.

- Hiện nay chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, cận nghèo khi tham gia thực hiện Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, do vậy việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu này giai đoạn tới gặp nhiều khó khăn, khó hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

- Người dân tại các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp cận các hoạt động Chương trình gặp nhiều khó khăn.

- Một số gia đình sợ phát hiện ra bệnh sẽ làm ảnh hưởng đến hôn sự, nên còn e ngại khi sàng lọc.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Chương trình

Qua quá trình triển khai Chương trình SLTS và SLSS trong những năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt là yếu tố quyết định việc triển khai hiệu quả chương trình chỉ đạt kết quả khi có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền và sự điều hành trực tiếp của ngành Y tế. Cần xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác nâng cao chất lượng dân số để huy động đầy đủ nguồn lực và cơ chế phối hợp.

- Phối hợp liên ngành chặt chẽ tạo ra hiệu quả rõ rệt sự phối hợp nhịp nhàng giữa dân số - sản khoa - nhi khoa - y tế cơ sở - các cơ sở sinh đẻ giúp tăng độ bao phủ và chất lượng dịch vụ. Các đơn vị xét nghiệm cần duy trì cơ chế phản hồi thông tin nhanh, kịp thời hỗ trợ kỹ thuật cho cơ sở lấy mẫu.

- Truyền thông phải đi trước một bước, những địa phương làm tốt truyền thông thường đạt tỷ lệ sàng lọc cao hơn. Truyền thông hiệu quả phải kết hợp đa dạng kênh, tiếp cận nhóm đối tượng trọng tâm, đặc biệt là phụ nữ mang thai, người trong độ tuổi sinh đẻ và các nhóm dân tộc thiểu số.

- Nâng cao năng lực cán bộ là yếu tố then chốt, chất lượng tư vấn, kỹ năng lấy mẫu, đánh giá hình thái thai nhi và sử dụng phần mềm quyết định trực tiếp đến chất lượng chương trình. Việc đào tạo định kỳ, cập nhật kỹ thuật mới, cầm tay chỉ việc tại cơ sở giúp giảm sai sót và nâng cao hiệu quả sàng lọc.

- Việc áp dụng quy trình thống nhất trong tư vấn - lấy mẫu - vận chuyển - trả kết quả - theo dõi trẻ bất thường giúp hạn chế sai sót và nâng cao tính chính xác. Cần thực hiện giám sát kỹ thuật thường xuyên và phản hồi sai sót kịp thời.

- Bảo đảm nguồn lực, kinh phí là điều kiện cần thiết, những đơn vị có nguồn lực ổn định, có chính sách hỗ trợ một phần chi phí xét nghiệm, hoặc lồng ghép kinh phí từ các chương trình khác thường đạt kết quả cao hơn. Công tác xã hội hóa đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng các kỹ thuật hiện đại như NIPT, Double test, Triple test...

- Giám sát, đánh giá thường xuyên giúp duy trì chất lượng, việc kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất giúp kịp thời phát hiện khó khăn, sai sót, bất cập, từ đó khắc phục ngay. Báo cáo số liệu chính xác, cập nhật kịp thời giúp lãnh đạo có cơ sở đưa ra giải pháp đúng và trúng

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí: 212.997.365 nghìn đồng (tổng hợp tại Phụ lục V)

1. Trung ương: 16.744.000 nghìn đồng

- Kinh phí từ Chương trình 1999: 8.500.000 nghìn đồng

- Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: 8.244.000 nghìn đồng.

Chủ yếu thực hiện hoạt động truyền thông, hội thảo, tập huấn các nội dung của chương trình.

2. Địa phương

Tổng kinh phí: 196.253.365 nghìn đồng.

Trong đó:

- Hỗ trợ sàng lọc trước sinh cho đối tượng theo quy định tại Quyết định số 1999: 24.524.808 nghìn đồng.
- Hỗ trợ sàng lọc sơ sinh cho đối tượng theo quy định tại Quyết định 1999: 10.039.956 nghìn đồng.
- Hỗ trợ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho đối tượng theo quy định tại Quyết định 1999: 735.022.028 nghìn đồng.
- Tuyên truyền, vận động: 54.461.299 nghìn đồng.
- Phát triển, mạng lưới dịch vụ: 40.039.835 nghìn đồng (*Đầu tư trang thiết bị phục vụ cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh: 37.309.291 nghìn đồng và Đào tạo tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh: 2.730.544 nghìn đồng*).
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới: 100 nghìn đồng.
- Huy động nguồn lực khác: 480 nghìn đồng.
- Không phân định rõ nội dung chi: 19.454.533 nghìn đồng.

V. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu phát triển kỹ thuật, nhu cầu của nhân dân là định hướng phát triển kinh tế - xã hội đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% năm 2030.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70% năm 2030.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90% năm 2030.

Các mục tiêu cụ thể đã được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua tại Nghị quyết số: 262/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 “- Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035; 70% phụ nữ mang thai được khám sàng lọc trước sinh ít nhất 4 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất vào năm 2030 và 90% vào năm 2035; 90% trẻ sơ sinh được khám sàng lọc sơ sinh ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất vào năm 2030 và đạt 95% vào năm 2035”

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Hoàn thiện cơ chế, ban hành chính sách thực hiện sàng lọc trước sinh sơ sinh

a) Về cơ chế chính sách

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Dân số số 113/2025/QH15:

+ Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

+ Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

+ Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục các bệnh di truyền liên quan đến giới tính phục vụ chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Ban hành nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

b) Về tiêu chuẩn kỹ thuật

- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

- Xây dựng tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh để các cơ sở y tế, địa phương làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Tiếp tục xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn;

- Triển khai danh mục các bệnh cần sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.; Tiếp tục xã hội hóa cung ứng mở rộng danh mục dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Triển khai các quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế

2.2. Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ

Hướng dẫn địa phương tổ chức triển

Hoàn thiện mở rộng mạng lưới sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh từ Trung ương - tỉnh - xã, phường, đặc khu.

Phát triển mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ theo hướng đồng bộ. Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng đảm bảo mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã, được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ.

Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- Tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác sàng lọc; chuẩn hóa quy trình chuyên môn để đảm bảo tính đồng nhất trong triển khai.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ, theo dõi thai kỳ, quản lý mẫu xét nghiệm và trả kết quả; từng bước số hóa mạng lưới cung cấp dịch vụ để nâng cao hiệu quả quản lý và thuận tiện cho người dân.

2.3. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới

- Hỗ trợ các cơ sở y tế tham gia chương trình triển khai các mô hình thí điểm ứng dụng kỹ thuật mới; đánh giá hiệu quả thực hiện, khả năng nhân rộng và điều kiện đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý đối tượng

2.4. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.5. Các nội dung khác

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Thủ tướng Chính phủ:

Có cơ chế phân bổ ngân sách để hỗ trợ địa phương triển khai gói dịch vụ sàng lọc cơ bản miễn phí và hỗ trợ tài chính cho việc đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại tại các cơ sở y tế để nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ.

2. Các Bộ, ngành:

- Bộ Y tế và Cục Dân số: Tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng, kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh

- Bộ Tài chính: Bố trí nguồn kinh phí trong Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035: Ưu tiên bổ

sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh để cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh ít nhất đủ số mặt bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Tham mưu ban hành hoặc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cho đối tượng thực hiện Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

- Mở rộng thêm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sàng lọc sơ sinh 05 mặt bệnh là trẻ em thuộc vùng nông thôn.

- Quan tâm, chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện tốt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, thực hiện tốt các dịch vụ Dân số, xã hội hóa chương trình sàng lọc trước sinh, sơ sinh trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Lưu: VT, CDS, HSTT.

CỤC TRƯỞNG

Lê Thanh Dũng